

Số: 1938/QĐ-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xóa tên đối với nguyên cứu sinh, dự bị nghiên cứu sinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 83/ĐHQG-ĐH&SĐH ngày 19 tháng 02 năm 2016 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh của trình độ thạc sĩ và tiến sĩ của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-ĐHKTL-SĐH ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1630/QĐ-ĐHKTL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo chương trình dự bị tiến sĩ;

Căn cứ Biên bản họp hội đồng học vụ ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc xử lý học vụ đối với nghiên cứu sinh năm học 2021 - 2022;

Xét đề nghị của Trường phòng Sau đại học và Khoa học công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa tên 52 nghiên cứu sinh, dự bị nghiên cứu sinh các khóa từ 2014 đến 2021.
(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng Sau đại học và Khoa học công nghệ, phòng Tài chính, các khoa đào tạo sau đại học và các nghiên cứu sinh, dự bị nghiên cứu sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-Như Điều 3;

-Lưu: VT, SĐH&KHCN.



Hoàng Công Gia Khánh

**DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH, DỰ BỊ NGHIÊN CỨU SINH XOÁ TÊN
CÁC KHOÁ TỪ 2014 ĐẾN 2021**

Đính kèm Quyết định số: 1938/QĐ/ĐHKTL ngày 29 tháng 12 năm 2022

STT	MSHV	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa	Ngành	Lý do	Số phí nợ	Ghi chú
KHOÁ 2014								
1	NCS101021418	Ngô Quang Thịnh	19/05/1981	2014	Kinh tế chính trị	Hết thời gian đào tạo, nợ học phí	10.600.000	
2	NCS101011430	Lê Quốc Nghi	19/05/1979	2014	Kinh tế học	Hết thời gian đào tạo	-	
3	NCS101011433	Tô Thị Tú Trang	06/10/1975	2014	Kinh tế học	Hết thời gian đào tạo, nợ học phí	21.200.000	
4	NCS101011432	Nguyễn Thị Thu Trang	02/09/1983	2014	Kinh tế học	Hết thời gian đào tạo	-	
5	NCS801071464	Vương Tuyệt Linh	17/02/1980	2014	Luật Kinh tế	Hết thời gian đào tạo	-	
6	NCS801071465	Nguyễn Phước	18/07/1972	2014	Luật Kinh tế	Hết thời gian đào tạo, nợ học phí	42.700.000	
KHOÁ 2015								
7	015102003	Trần Ngọc Hoa	10/10/1978	2015	Kinh tế chính trị	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	47.700.000	
8	015102006	Mai Trọng Tấn	29/06/1983	2015	Kinh tế chính trị	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	22.200.000	
9	015101004	Nguyễn Thị Ánh Hồng	30/09/1988	2015	Kinh tế học	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	11.100.000	
10	015101008	Trương Bích Phương	21/04/1983	2015	Kinh tế học	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	11.100.000	
11	015101014	Đinh Hoàng Tường Vi	30/03/1984	2015	Kinh tế học	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	48.000.000	
12	015101010	Đặng Thanh Sơn	11/11/1981	2015	Kinh tế học	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	22.200.000	
13	015101011	Lưu Thanh Thủy	13/01/1976	2015	Kinh tế học	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	55.500.000	
14	015101006	Trần Thị Trúc Lan	15/10/1975	2015	Kinh tế học	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	22.200.000	
15	015201008	Dương Diễm Kiều	18/01/1978	2015	Tài chính - Ngân hàng	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	55.500.000	
16	015201007	Trần Văn Hồng	24/11/1978	2015	Tài chính - Ngân hàng	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	47.700.000	
17	015201010	Nguyễn Thị Oanh	06/05/1987	2015	Tài chính - Ngân hàng	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	22.200.000	
18	015201002	Nguyễn Văn Bảy	07/02/1977	2015	Tài chính - Ngân hàng	Không hoàn thành tiến độ học tập	-	
19	015107011	Lin Vĩ Tuấn	04/04/1977	2015	Luật Kinh tế	Nợ học phí, thôi học theo nguyện vọng cá nhân	3.300.000	
20	015107004	Trần Quang Đăng	14/11/1987	2015	Luật Kinh tế	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	25.500.000	
21	015107006	Phan Thị Mỹ Hạnh	16/09/1977	2015	Luật Kinh tế	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	25.500.000	
22	015107010	Nguyễn Hoàng Quân	12/12/1984	2015	Luật Kinh tế	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	25.500.000	
KHOÁ 2016								
23	01610101008	Lin Vĩ Tuấn	04/04/1977	2016	Kinh tế học	Thôi học theo nguyện vọng cá nhân	-	
24	01640201001	Nguyễn Thị Hồng Huệ	01/07/1980	2016	Tài chính - Ngân hàng	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	44.400.000	
25	01640201002	Chu Mai Linh	27/08/1983	2016	Tài chính - Ngân hàng	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	33.300.000	
26	01640102007	Tăng Hữu Thủy		2016	Quản trị kinh doanh	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	66.900.000	
27	01680107002	Đặng Kiên Cường	24/09/1982	2016	Luật Kinh tế	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	47.700.000	



*Đã
nhập*

STT	MSHV	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa	Ngành	Lý do	Số phí nợ	Ghi chú
28	N17703002	Nguyễn Thị Thu Hương	13/03/1979	2017	Kinh tế chính trị	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	44.400.000	
29	N17703006	Lê Thị Hiếu Thảo	14/03/1979	2017	Kinh tế chính trị	Thôi học theo nguyện vọng cá nhân	-	
30	N17702002	Nguyễn Thị Vân Anh	10/06/1985	2017	Kinh tế học	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	55.500.000	
31	N17704002	Nguyễn Thị Xuân Hà	24/02/1984	2017	Tài chính - Ngân hàng	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	55.500.000	
32	N17707007	Đặng Thị Ngọc Sơn	11/02/1975	2017	Quản trị kinh doanh	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	20.600.000	
33	N17710013	Phạm Thanh Tú	02/07/1979	2017	Luật Kinh tế	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	55.500.000	
KHOÁ 2018								
34	N18701026	Lương Tuấn Long	08/08/1988	2018	Kinh tế chính trị	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	60.350.000	
35	N18702007	Trần Băng Dương	09/04/1982	2018	Kinh tế học	Dự bị NCS 2018 hết thời gian đào tạo	-	
36	N18702032	Đỗ Hoàng Nghĩa	18/08/1994	2018	Kinh tế học	Dự bị NCS 2018 hết thời gian đào tạo	-	
37	N18704011	Võ Thị Phương	27/02/1990	2018	Tài chính - Ngân hàng	Dự bị NCS 2018 hết thời gian đào tạo	-	
38	N18704052	Phạm Thị Kim Ánh	11/01/1984	2018	Tài chính - Ngân hàng	Dự bị NCS 2018 hết thời gian đào tạo	-	
39	N18704053	Nghiêm Phúc Hiếu	23/01/1990	2018	Tài chính - Ngân hàng	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	60.350.000	
40	N18704055	Nguyễn Thị Hương Trà	04/11/1989	2018	Tài chính - Ngân hàng	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	60.350.000	
41	N18707020	Phan Quang Dũng	12/12/1988	2018	Quản trị kinh doanh	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	49.250.000	
42	N18710012	Trần Phú Vinh	20/02/1971	2018	Luật Kinh tế	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	60.350.000	
43	N18710014	Phạm Thanh Hải	24/10/1973	2018	Luật Kinh tế	Dự bị NCS 2018 hết thời gian đào tạo	6.220.000	
44	N18710040	Trần Thụy Quốc Thái	11/02/1984	2018	Luật Kinh tế	Dự bị NCS 2018 hết thời gian đào tạo	-	
45	N18710044	Võ Nguyễn Nam Trung	21/06/1987	2018	Luật Kinh tế	Dự bị NCS 2018 hết thời gian đào tạo	-	
KHOÁ 2019								
46	N19704010	Nguyễn Gia Đường	31/10/1973	2019	Tài chính - Ngân hàng	Nợ học phí, dự bị NCS 2019 hết thời gian đào tạo	9.180.000	
47	N19704014	Ngô Phú Thanh	07/05/1987	2019	Tài chính - Ngân hàng	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	65.830.000	
48	N19707003	Đoàn Hồng Phát	26/03/1988	2019	Quản trị kinh doanh	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	76.630.000	
49	N19707020	Bùi Lê Vũ	25/05/1986	2019	Quản trị kinh doanh	Nợ học phí, không hoàn thành tiến độ học tập	54.430.000	
KHOÁ 2020								
50	N20702006	Lợi Minh Thanh	25/04/1976	2020	Kinh tế học	Dự bị NCS 2020, nghỉ học theo nguyện vọng cá nhân	-	
51	N20707037	Phạm Thị Thu Hòa	01/03/1987	2020	Quản trị kinh doanh	Dự bị NCS 2020, nghỉ học theo nguyện vọng cá nhân	-	
KHOÁ 2021								
52	N21707023	Nguyễn Hữu Tín	05/04/1995	2021	Quản trị kinh doanh	Dự bị NCS 2020, nghỉ học theo nguyện vọng cá nhân	12.180.000	